

Tiếp cận lý thuyết về vai trò của tập đoàn kinh tế đa sở hữu trong nền kinh tế thị trường

NGUYỄN HỮU ĐẠT
NGÔ TUẤN NGHĨA

Phát triển các tập đoàn kinh tế đa sở hữu (TDKTĐSH) là nhu cầu tất yếu của nền kinh tế thị trường, phản ánh trình độ lớn mạnh của lực lượng sản xuất trong nền kinh tế của một quốc gia; tuy nhiên hoạt động của các tập đoàn này cũng có thể gây ra những rủi ro nghiêm trọng cho nền kinh tế nếu cách thức tổ chức và quản lý không phù hợp. Nghiên cứu vai trò của các TDKTĐSH trong nền kinh tế thị trường sẽ giúp ích cho việc thúc đẩy hình thành các TDKTĐSH trong quá trình tái cấu trúc mô hình tăng trưởng kinh tế của Việt Nam.

1. Quan niệm và đặc trưng của các tập đoàn kinh tế đa sở hữu

1.1. Quan niệm về tập đoàn kinh tế đa sở hữu

Trong quá trình phát triển của kinh tế thị trường, dưới tác động của các quy luật tích tụ, tập trung sản xuất, của cách mạng công nghiệp mà cách nay hàng thế kỷ ở các quốc gia phát triển đã hình thành những tổ hợp kinh tế, công ty quy mô lớn, hoạt động đa dạng về lĩnh vực ngành nghề, cũng như phạm vi kinh doanh. Xét về mặt cấu trúc mô hình tổ chức, biểu hiện của các tổ chức này có thể được định vị dưới nhiều tên gọi khác nhau phù hợp với đặc trưng quốc gia, cũng như trình độ tổ chức sản xuất kinh doanh trong các giai đoạn phát triển của các nước, như: Cartel, Syndicate, Trust, Consortium, Concern, Conglomerat (ở Đức, Hoa Kỳ) hay các Zaibatsu, Keiretsu (ở Nhật Bản), Chaebol (ở Hàn Quốc)... Mặc dù được gọi dưới nhiều tên khác nhau, chưa có sự thống nhất, song nhìn chung, các tổ chức kinh tế này đều thể hiện những đặc trưng cốt lõi như: có quy mô lớn về vốn, lao động, doanh thu cũng như phạm vi hoạt động. Xét về phương thức kinh doanh thì hầu hết các tổ chức này đều kinh doanh đa ngành, đa lĩnh vực, trong đó thường có lĩnh vực chính; còn về cơ cấu sở hữu thường đa dạng về sở hữu và trình độ phát triển khác nhau. Ở Việt

Nam, cùng với quá trình đổi mới, phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (DNNN), khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân, phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế, từng bước hình thành các các TDKT nhà nước (như tập đoàn: dệt may, công nghiệp than khoáng sản, điện lực, dầu khí, công nghiệp tàu thủy, bưu chính viễn thông, công nghiệp cao su v.v) và các TDKT tư nhân (như tập đoàn: PFT, Hòa Phát, Nam Cường, Hoàng Anh Gia Lai, Đồng Tâm...). Tuy nhiên cho đến nay quan niệm về TDKT ở nước ta còn có nhiều ý kiến khác nhau¹.

Xét về khía cạnh sở hữu, các TDKT mặc dù có thể đạt tới quy mô khổng lồ, song chúng có thể thuộc về nhóm đơn sở hữu hay đa sở hữu cả về chủ thể cũng như loại hình.

Nguyễn Hữu Đạt, PGS.TS., Viện Kinh tế Việt Nam;
Ngô Tuấn Nghĩa, TS., Học viện Chính trị - hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

¹ Theo điều 26 Nghị định 139/2007/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp: "Tập đoàn kinh tế bao gồm nhóm các công ty có tư cách pháp nhân độc lập, được hình thành trên cơ sở tập hợp, liên kết thông qua đầu tư, góp vốn, sáp nhập, mua lại, tổ chức lại hoặc các hình thức liên kết khác, gắn bó lâu dài với nhau về lợi ích, công nghệ, thị trường và các dịch vụ kinh doanh khác tạo thành tổ hợp kinh doanh có từ hai cấp kinh doanh trở lên dưới hình thức công ty mẹ - công ty con. Tập đoàn kinh tế không có tư cách pháp nhân,

Về chủ thể, TĐKT có thể thuộc một chủ tư hữu tư bản dưới dạng gia đình, dòng họ; cũng có thể tập đoàn kinh tế thuộc loại đa chủ sở hữu có cả của nhà nước, tập thể và tư nhân. Trong giai đoạn gần đây, do sự tác động của nhiều quy luật kinh tế khách quan, cùng với xu hướng xã hội hóa lực lượng sản xuất quốc tế mà cấu trúc sở hữu của các TĐKT trên thế giới đang có sự chuyển biến mà phần nhiều tồn tại dưới hình thức các TĐKTĐSH. Tuy nhiên cho đến nay, thế nào là TĐKTĐSH cũng chưa có một quan niệm chung thống nhất. Tiếp cận từ góc độ cơ cấu sở hữu, có thể coi: TĐKTĐSH là tổ hợp doanh nghiệp lớn, phức hợp nhiều loại hình sở hữu khác nhau tạo thành hệ thống các tổ chức kinh doanh thành viên có lợi ích chung, tồn tại và phát triển thông qua các liên kết về vốn, công nghệ, thương hiệu hay thị trường.

1.2. Đặc trưng của các tập đoàn kinh tế đa sở hữu

Các TĐKTĐSH mang những đặc trưng chung của TĐKT như: quy mô số lượng các tổ chức kinh doanh thành viên, vốn, lao động lớn; các thành viên có cùng mục tiêu lợi ích, nghĩa là các thành viên trong nội bộ tập đoàn không cạnh tranh với nhau mà sức mạnh cạnh tranh tổng hợp được phát huy nhằm đối phó với các đối thủ cạnh tranh ngoài tập đoàn; sự liên kết giữa các thành viên ngoài mục tiêu lợi ích chung (lợi nhuận tối đa) còn dựa trên các liên kết về vốn, công nghệ, thị trường và hiện nay nhiều tập đoàn liên kết bởi tài sản trí tuệ là thương hiệu.

Giống như TĐKT đơn sở hữu (sở hữu nhà nước hoặc sở hữu tư nhân), trong một TĐKTĐSH thường bao gồm cấu trúc một "công ty mẹ", các công ty "con", "cháu" với tư cách là các thành viên trong tập đoàn. Các công ty "con", "cháu" này có liên hệ mật thiết với công ty mẹ, cũng có thể có liên hệ mật thiết với các công ty cùng cấp, cao cấp hơn, hoặc thấp cấp hơn. Trong đó liên kết giữa các thành viên trong tập đoàn là liên kết về vốn; công ty "mẹ" của tập đoàn khống chế về vốn trong nội bộ tập đoàn. Bên cạnh

đó, công ty mẹ và các công ty thành viên có mối quan hệ phụ thuộc, hỗ trợ về mặt chiến lược, công nghệ, chia sẻ thị trường sản phẩm đầu ra hoặc thị trường cung ứng các yếu tố đầu vào. Ngoài các đặc trưng này, TĐKTĐSH còn có đặc thù trong cấu trúc sở hữu, đó là sự hỗn hợp các loại hình sở hữu cùng tồn tại trong một tập đoàn.

Khi xác định một TĐKT là TĐKTĐSH có nghĩa là để cập tới sự đa dạng về loại hình sở hữu không cùng tính chất, chứ không phải là căn cứ vào số lượng chủ thể tham gia sở hữu tập đoàn. Tức là, về mặt lý thuyết, xét về cấu trúc sở hữu, tập đoàn đó hình thành bởi hỗn hợp các dạng: i) giữa sở hữu nhà nước với sở hữu tư nhân; ii) giữa sở hữu nhà nước với sở hữu tập thể; iii) giữa sở hữu tập thể với sở hữu tư nhân.

Tập đoàn kinh tế đa sở hữu được phân biệt với một TĐKT tư nhân hay TTĐKT đơn sở hữu nhà nước ở chỗ, có sự hỗn hợp giữa

không phải đăng ký kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Việc tổ chức hoạt động của tập đoàn do các công ty thành lập tập đoàn tự thỏa thuận". Từ điển bách khoa toàn thư Việt Nam: "Tập đoàn kinh tế là tổ hợp các công ty hoạt động trong một ngành hay những ngành khác nhau trong phạm vi một nước hay nhiều nước, tiếm lực kinh tế - tài chính mạnh, cơ cấu phức tạp, vừa kinh doanh vừa liên kết kinh tế nhằm tăng cường tích tụ, tập trung, tăng khả năng cạnh tranh và tối đa hóa lợi nhuận. Nó trở thành hình thức phổ biến và có vai trò chi phối và tác động mạnh mẽ đến toàn bộ nền kinh tế ở nhiều nước trong giai đoạn hiện nay" (<http://dictionary.bachkhoatoanthu>). Hay: "Tập đoàn kinh tế có thể được nhận thức như một tổ hợp các công ty độc lập về mặt pháp lý gồm một công ty mẹ và nhiều công ty hay chi nhánh góp vốn có phần chịu sự kiểm soát của công ty mẹ (Trần Tiến Cường (2005). *Tập đoàn kinh tế lý luận và kinh nghiệm quốc tế: ứng dụng vào Việt Nam*. NXb Giao thông vận tải, Hà Nội). "Tập đoàn kinh tế là một tổ hợp kinh doanh bao gồm các doanh nghiệp có mối quan hệ với nhau theo nhiều hình thức, trên nhiều lĩnh vực với liên hệ chủ yếu là công ty mẹ - công ty con. Công ty mẹ - công ty con (hay công ty thành viên) có tư cách pháp nhân, công ty mẹ là hạt nhân liên kết, thường nắm quyền kiểm soát, chi phối hoạt động của các công ty con. Các công ty thành viên cũng có những liên kết với nhau xuất phát từ lợi ích và chiến lược của bản thân mỗi công ty" (TS. Đặng Đức Đàm và TS. Bùi Văn Huyền, *Ký yếu Hội thảo Tập đoàn kinh tế lý luận và thực tiễn*, (CIEM tổ chức), ngày 25-5-2009. Hà Nội, tr 6).

các loại hình sở hữu khác nhau trong hình thành nên tập đoàn, thay vì một loại hình sở hữu thuần túy nhà nước hay tư nhân. Trên thực tế, hình thức hỗn hợp giữa sở hữu nhà nước với sở hữu tư nhân hiện đang là dạng thức phổ biến của các TDKTĐSH. Nếu căn cứ vào tiêu chí sở hữu như vậy thì một TDKT có thể gồm rất nhiều chủ thể tham gia sở hữu, nhưng rất có thể chúng không phải là TDKTĐSH. Chẳng hạn các TDKT nhà nước mà tuyệt đối chỉ có sở hữu nhà nước, mặc dù là các doanh nghiệp nhà nước khác nhau cùng tham gia sở hữu; hoặc các TDKT tuyệt đối chỉ có sở hữu của các chủ tư nhân, mặc dù có thể có nhiều chủ tư nhân. Trong trường hợp đó chúng được xem là những TDKT nhà nước hoặc TDKT tế tư nhân. Những tập đoàn được hình thành từ sở hữu giữa chính phủ nước này với chính phủ nước khác thuộc loại hình TDKT nhà nước. Tương tự, có TDKT hình thành từ sở hữu của tư nhân nước ngoài và tư nhân trong nước, chúng được xem là TDKT tư nhân. Những TDKT được hình thành giữa tư nhân trong nước với chính phủ nước ngoài thuộc nhóm TDKTĐSH.

Về mặt mô hình tổ chức, TDKTĐSH hữu mang bản chất tổ chức của loại hình công ty cổ phần. Nhưng thay vì là cổ phần của các chủ sở hữu có cùng tính chất (hoặc tư nhân thuần túy, hoặc nhà nước thuần túy), trong TDKTĐSH là các chủ thể sở hữu có tính chất khác nhau. Đây vừa là ưu điểm, đồng thời là căn nguyên gây ra nhiều loại rủi ro trong hoạt động của TDKTĐSH. Bởi lẽ, các chủ thể sở hữu của cùng loại hình vốn đã phức tạp vì động cơ lợi ích nhiều khi khác nhau; trong khi trong TDKTĐSH là sự hiện diện của các chủ thể không cùng loại hình sở hữu, vận động theo những quy luật khác nhau, có khi mâu thuẫn nhau thì vấn đề còn trở nên phức tạp hơn.

1.3. Sự hình thành các tập đoàn kinh tế đa sở hữu

Sự hình thành các TDKTĐSH có thể do các nguyên nhân:

Thứ nhất, sự phát triển của các tập đoàn

một cách khách quan từ đơn sở hữu trở thành TDKTĐSH dưới tác động của các quy luật kinh tế thị trường.

Thực tế trong nền kinh tế thị trường tại các quốc gia trên thế giới, nhiều TDKT ban đầu chỉ là những doanh nghiệp đơn sở hữu; do tác động của cạnh tranh hoặc tập trung sản xuất, dần dần các tập đoàn đó trở thành những TDKTĐSH. Sở hữu tư nhân xâm lấn vào sở hữu nhà nước trong tập đoàn hoặc ngược lại. Lịch sử phát triển của rất nhiều TDKT ở Mỹ, Nhật Bản cũng như nhiều tập đoàn của các quốc gia khác là những ví dụ cho xu thế phát triển tuần tự khách quan này; tuy nhiên quá trình hình thành TDKTĐSH theo cách này thường diễn ra kéo dài.

Thứ hai, quá trình tái cấu trúc các TDKT nhà nước hoặc các TDKT tư nhân.

Quá trình tái cấu trúc các TDKT có thể được thực hiện do yêu cầu khách quan bởi các nguyên nhân như: *một là*, hoạt động của các TDKT nhà nước hoặc TDKT tư nhân trở nên không còn hiệu quả như khi mới hình thành; mô hình tổ chức không còn phù hợp với điều kiện hoàn cảnh mới của nền kinh tế, khi đó đòi hỏi các tập đoàn này buộc phải thực hiện tái cấu trúc nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động. Phương thức thực hiện tái cấu trúc các tập đoàn này có thể được thực hiện bằng cách: bán một phần giá trị cho tư nhân nếu đó là tập đoàn sở hữu thuần túy nhà nước, hoặc bán một phần giá trị cho nhà nước nếu đó là tập đoàn thuần túy sở hữu tư nhân, để hình thành các TDKTĐSH. Hình thức bán một phần giá trị tập đoàn thuộc sở hữu nhà nước cho tư nhân để hình thành TDKTĐSH được thực hiện không chỉ ở các quốc gia có nền kinh tế chuyển đổi, mà còn ở cả các nước có nền kinh tế phát triển. Chẳng hạn ở Anh, dưới thời Thủ tướng Thatcher, TDKT đường sắt nhà nước được bán một phần giá trị cho tư nhân nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động dưới dạng tái cấu trúc, theo đó tập đoàn này trở thành TDKTĐSH. *Hai là*, đối với các TDKT tế tư nhân, trong các cuộc khủng hoảng kinh tế, đứng trước

nguy cơ đổ vỡ, trong khi do tầm quan trọng của chúng đối với nền kinh tế, nên chính phủ có thể mua lại phần lớn giá trị tập đoàn để hình thành nên TDKTĐSH. Ví dụ, trong cuộc khủng hoảng kinh tế năm 2008-2009, Tập đoàn Lemon Brother đã được Chính phủ Mỹ mua lại phần lớn giá trị dưới dạng các gói cứu trợ để duy trì khả năng thanh khoản của tập đoàn. Bằng con đường này, từ chỗ là TDKT tư nhân, tập đoàn đó trở thành TDKTĐSH. Đối với Việt Nam hiện nay, hình thức cho tư nhân tham gia mua cổ phần dưới dạng cổ đông chiến lược có thể xem là cách để chuyển đổi TDKT nhà nước thành TDKTĐSH trong quá trình tái cấu trúc DNNN.

Thứ ba, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Đi cùng với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của một quốc gia là sự xâm nhập của các TDKT nước ngoài vào cấu trúc sở hữu các TDKT trong nước (dưới nhiều hình thức khác nhau) hoặc ngược lại, các TDKT trong nước có thể tham gia vào cấu trúc sở hữu các TDKT nước ngoài. Quá trình phát triển của các tập đoàn xuyên quốc gia, đa quốc gia với tư cách là các TDKTĐSH thường là kết quả của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của các quốc gia. Trong cấu trúc tổ chức TDKTĐSH dạng này, công ty mẹ sở hữu số lượng vốn cổ phần lớn trong các công ty con, cháu. Nó chi phối các công ty con, cháu về tài chính, cũng như chiến lược phát triển... Công ty mẹ là công ty cổ phần đa sở hữu được thành lập và hoạt động theo quy định của nước sở tại. Các công ty con, cháu cũng có thể là các công ty cổ phần đa sở hữu. Trong quan hệ nội bộ tập đoàn, công ty mẹ sẽ thực hiện việc thành lập hoặc tham gia vốn với các công ty thành viên trong tập đoàn. Công ty mẹ điều khiển hoạt động của các công ty thành viên thông qua quyền lực tương ứng với tỷ lệ vốn góp, thể hiện ở việc tham gia hội đồng quản trị, điều hành, quyền quyết định sử dụng các quyền lực trong tập đoàn. Các thành viên trong tập đoàn được phân công hoạt động sản xuất kinh doanh theo từng phân khúc thị trường

hoặc khu vực thị trường, nhằm đảm bảo khả năng liên hợp không cạnh tranh trong nội bộ tập đoàn. Về mặt điều hành, các TDKTĐSH dưới dạng các công ty xuyên quốc gia thường xây dựng một ngân hàng độc quyền lớn, hoặc công ty tài chính thuộc tập đoàn. Đó là dạng thức công ty khống chế, nắm cổ phần chi phối đối với các công ty thành viên, hoặc thực hiện việc tham gia vốn để hình thành các công ty thành viên mới cho tập đoàn. Công ty tài chính hoặc ngân hàng độc quyền đó thực hiện hoạt động quản lý, điều phối, huy động vốn, quản lý, xây dựng chiến lược thị trường cho hoạt động của tập đoàn. Các chiến lược này được thực hiện ở cơ quan đầu não của tập đoàn và được triển khai hoạt động trên tất cả các thành viên. Với đặc trưng và cách thức hoạt động như vậy, tập đoàn kinh tế đa sở hữu có vai trò rất lớn trong nền kinh tế quốc gia cũng như quốc tế.

2. Vai trò của các tập đoàn kinh tế đa sở hữu trong nền kinh tế thị trường

2.1. Vai trò của các tập đoàn kinh tế đa sở hữu

Thứ nhất, sự hình thành các TDKTĐSH chính là quá trình xã hội hóa sở hữu phù hợp với sự phát triển khách quan của trình độ lực lượng sản xuất trong nội bộ các quốc gia, cũng như trên phạm vi quốc tế ở các giai đoạn khác nhau. Quá trình xã hội hóa sở hữu này giúp cho việc tăng khả năng tích tụ, tập trung nguồn lực trong nền kinh tế, từ đó nâng cao hơn hiệu quả của việc sử dụng các nguồn lực trong toàn bộ nền kinh tế. Đó là quá trình đáp ứng những đòi hỏi khách quan khác phục những hạn chế về khả năng tích tụ và tập trung nguồn lực của các tổ chức tập đoàn, đơn sở hữu. Việc hình thành các TDKTĐSH không những huy động được nguồn lực của khu vực tư nhân, mà còn huy động và phát huy được thế mạnh nguồn lực của cả khu vực nhà nước. Sự dung hợp sức mạnh này có thể tạo ra những lợi ích và quyền lực kinh tế to lớn trong nền kinh tế. Nhờ các TDKTĐSH mà nguồn lực của các thành viên được hướng tới những khu vực có lợi nhuận kỳ vọng cao nhất, có thể tập trung

nguồn lực cho những dự án, công trình lớn quan trọng, tạo ra sức mạnh quyết định làm thay đổi về chất cho các tập đoàn phát triển cũng như sức mạnh của nền kinh tế.

Thứ hai, với quy mô về vốn, nguồn nhân lực, khoa học công nghệ, thị trường lớn, các TDKTDSH có thể tạo ra xung lực cạnh tranh lớn hơn cho cả tập đoàn cũng như của từng thành viên. Mô hình TDKTDSH cho phép cải tổ cơ cấu, khắc phục những xơ cứng hoặc rườ ròi của từng loại hình tập đoàn đơn sở hữu riêng rẽ. Với tư cách là sự dung hợp sức mạnh của các loại hình sở hữu khác nhau, TDKTDSH có thể giúp cho việc phát huy lợi thế kinh tế về quy mô, giảm chi phí giao dịch, khai thác được thương hiệu, hệ thống các nhà cung cấp và cả hệ thống dịch vụ chung của cả tập đoàn. Vì hoạt động của tập đoàn gắn với các chủ thể quan hệ sở hữu khác nhau, đặc biệt là nhà nước mà những bất cập, những rào cản cho sự phát triển của tập đoàn có thể nhanh chóng được nghiên cứu, đề xuất, biến thành các chính sách phù hợp để nâng cao hiệu quả hoạt động của tập đoàn.

Thứ ba, việc hình thành các TDKTDSH là giải pháp hữu hiệu, tích cực cho việc đẩy mạnh nghiên cứu, triển khai, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ mới vào sản xuất kinh doanh của các thành viên - nhờ sức mạnh của các chủ thể sở hữu với tư cách là đại diện của các loại hình sở hữu khác nhau. Trên thực tế, hoạt động nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ đòi hỏi khối lượng vốn khổng lồ mà mỗi thành viên riêng rẽ rất khó đảm trách được. Tuy nhiên, với tư cách là tập đoàn kinh tế, sức mạnh về mặt nguồn lực do khả năng dễ tích tụ, tập trung mà có thể giúp cả tập đoàn thực hiện được những dự án khoa học công nghệ mới. Đến lượt nó, các dự án khoa học công nghệ mới này lại có thể được ứng dụng nhanh và trực tiếp vào hệ thống thành viên, từ đó nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản trí tuệ và nhìn chung là cải thiện sức mạnh cạnh tranh của tập đoàn.

Thứ tư, các TDKTDSH có thể đóng vai trò là công cụ để các nước kém phát triển

hơn thực hiện rút ngắn được khoảng cách phát triển công nghệ, cải thiện được trình độ quản lý thông qua sự xâm nhập về công nghệ của các đối tác nước ngoài, hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước phát triển, tham gia vào phân công lao động quốc tế và thị trường thế giới.

2.2. Những bất ổn và rủi ro mà các tập đoàn kinh tế đa sở hữu có thể gây ra đối với nền kinh tế

Một là, rất dễ phát sinh hình thành các nhóm lợi ích gây thiệt hại cho nền kinh tế và xã hội.

Với thế mạnh về vốn, công nghệ, khả năng nắm giữ, cầm nhánh, thâm tằm phạm vi sản xuất kinh doanh rộng lớn cộng với sự kết hợp lợi ích giữa các chủ thể sở hữu thuộc các loại hình sở hữu khác nhau mà việc hình thành lợi ích nhóm là rất dễ phát sinh, đặc biệt trong các TDKTDSH mà trong đó có sở hữu của nhà nước. Khi các nhóm lợi ích được củng cố và hợp lý hóa bằng những mối quan hệ với quan chức trong chính phủ - với tư cách là những người chịu trách nhiệm đại diện sở hữu của nhà nước trong các TDKTDSH - sẽ có khả năng làm khuynh đảo thị trường, thậm chí là cả hệ thống chính sách và chính trị của quốc gia. Khi đó, các chính sách sẽ được hình thành theo hướng thân thiện, có lợi cho nhóm lợi ích. Từ đó có thể đưa đến không những nhiều hiện tượng sai lệch trong quan hệ thị trường, mà phá hủy cả tính minh bạch của hệ thống chính trị. Vì thế, lợi ích nhóm nảy sinh và việc các chủ thể sở hữu câu kết hoặc lợi dụng để bảo vệ lợi ích nhóm tất sẽ dẫn đến những thiệt hại về phúc lợi xã hội. Về lâu dài làm giảm hiệu quả của nền kinh tế. Trên thực tế, việc khắc phục và hạn chế loại rủi ro nảy sinh nhóm lợi ích, lấy hoạt động của các TDKTDSH làm chỗ dựa là rất khó chế ngự, hậu quả lâu dài và khó phát hiện. Bởi vậy, đây là kinh nghiệm cảnh báo đối với Việt Nam: phải giám sát ngăn chặn sự hình thành các nhóm lợi ích trong quá trình tái cấu trúc khu vực DNNN, thúc đẩy phát triển các TDKTDSH trong thời gian không

xa. Phát triển các TĐKTĐSH mà không chú ý hoàn thiện khung khổ thể chế kiểm soát tính minh bạch của các tập đoàn này thì hậu quả có thể rất khó lường.

Hai là, có thể xảy ra là hiện tượng độc quyền hóa - là nguyên nhân gây bùng phát khủng hoảng kinh tế.

Xu hướng độc quyền hóa mang tính quy luật trong nền kinh tế thị trường, khi mà các tổ chức kinh doanh tồn tại cùng với quá trình cạnh tranh. Độc quyền sinh ra từ cạnh tranh mà không ngừng làm cho cạnh tranh trở nên khốc liệt hơn. Bởi lẽ, thay vì cạnh tranh giữa các đơn vị cá biệt có quy mô nhỏ thì nay trở thành cạnh tranh của các tổ chức kinh doanh quy mô lớn hoặc siêu quy mô. Hệ quả của quá trình cạnh tranh đó tất yếu dẫn đến những tổ chức độc quyền lớn hơn hoặc phá hủy nền kinh tế nghiêm trọng hơn. Với xu thế đó, các TĐKTĐSH là những tổ chức kinh doanh quy mô lớn, với lợi thế về quy mô cũng như khả năng tích tụ và tập trung nguồn lực..., có thể lấn át, thôn tính các tổ chức kinh doanh khác kém lợi thế hơn. Từ đó dẫn trở thành những tập đoàn độc quyền. Trong nền kinh tế thị trường thì việc hình thành những độc quyền sẽ làm giảm phúc lợi xã hội. Nhất là trong trường hợp các TĐKTĐSH kết hợp giữa sở hữu nhà nước với sở hữu độc quyền tư nhân, thì sự tổn thất của xã hội sẽ có thể rất lớn và ngay cả khi các tổ chức này hoạt động hiệu quả. Còn trong trường hợp thiếu sự minh bạch, thì các TĐKTĐSH độc quyền rất dễ trở thành những điểm khởi nguồn gây ra khủng hoảng cho toàn bộ nền kinh tế.

Như vậy, TĐKTĐSH là sản phẩm tất yếu của sự phát triển lực lượng sản xuất xã hội hóa theo quy luật của kinh tế thị trường. Đối với Việt Nam hiện nay, hình thức khá dễ có thể thúc đẩy sự hình thành các TĐKTĐSH chính là thúc đẩy nhanh việc tái cấu trúc hệ thống các TĐKT nhà nước. Thông qua quá trình tái cấu trúc này, các chủ thể sở hữu tư nhân, có thể là tư

nhân trong nước hoặc tư bản tư nhân nước ngoài có thể tham gia vào tái cấu trúc cơ cấu sở hữu của các tập đoàn này dưới dạng các cổ đông chiến lược. Từ đó hình thành các TĐKTĐSH. Sự thật, mô hình TĐKT nhà nước hoạt động mang danh nghĩa là sở hữu nhà nước, song đã biến thành độc quyền doanh nghiệp, trở thành những tập đoàn độc quyền, lợi ích cục bộ đang gây ra những hệ quả xấu về thị trường cũng như lợi ích xã hội. Vì thế, đã đến lúc cần thực hiện tái cấu trúc các TĐKT nhà nước, chuyển thành các TĐKTĐSH mới có thể nâng cao được hiệu quả hoạt động của các tập đoàn này. Tuy nhiên, như nghiên cứu lý thuyết trên đây đã chỉ ra, các TĐKTĐSH không hẳn là liệu pháp có thể chữa được tất cả các khuyết tật của các TĐKT nhà nước của chúng ta, hơn thế, bản thân các TĐKTĐSH cũng rất dễ gây ra những rủi ro đối với nền kinh tế. Bởi vậy, việc hình thành các TĐKTĐSH là việc tất yếu sẽ phải thực hiện nhằm tạo sự năng động cho các TĐKT nhà nước; song việc cần nghĩ ngay tới là làm thế nào để quản lý được hoạt động của chúng, để không gây ra những tổn thất môi trường quá trình tái cấu trúc mô hình tăng trưởng kinh tế của Việt Nam./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Huy Từ (2002). *Mô hình tập đoàn kinh tế trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Trần Tiến Cường (2005). *Tập đoàn kinh tế lý luận và kinh nghiệm quốc tế: ứng dụng vào Việt Nam*, Nxb Giao thông vận tải, Hà Nội.
3. Đào Xuân Thủy (2009). *Điều kiện và giải pháp hình thành các tập đoàn kinh tế từ các tổng công ty 91*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Văn phòng Chính phủ (2011). *Tài liệu Hội nghị tổng kết mười năm sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, 2001 – 2011*, Hà Nội.
5. Học viện Tài chính (Bộ Tài chính) (2011). *Kỷ yếu Hội thảo tái cấu trúc doanh nghiệp Nhà nước*, Hà Nội.
6. CIEM, ST (2009). *Kỷ yếu Hội thảo Tập đoàn kinh tế - lý luận và thực tiễn*, Hà Nội.